

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-ST
Ngày 21-9-2017
“V/v Tranh chấp hụi và Hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh.
2. Bà Nguyễn Thị Hương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hụi và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Kim C, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: 1. Lê Hồng A (tên gọi khác: Lê Hoàng N), sinh năm: 1977;

2. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1979 - vợ anh A.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Hồng A là: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1979 (vợ của anh A), theo văn bản ủy quyền ngày 12-9-2017. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn Lê Thị

Kim C: Chị C làm chủ hội, vợ chồng anh A và chị N có tham gia chơi hội còn thiếu tiền hội và tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 24-02-2015 âm lịch (nhằm ngày 12-4-2015 dương lịch), chị C có mở dây hội 500.000 đồng gồm có 28 hội viên tham gia 50 phần, trong đó vợ chồng anh A, chị N tham gia 02 phần (chân). Hội này 10 ngày mở 01 lần và vợ chồng anh A, chị N đã hốt hội 02 lần mở liên tiếp, cụ thể: lần mở thứ 03 số tiền 17.250.000 đồng, và lần mở thứ 04 số tiền 16.350.000 đồng. Chị C không nhớ sau khi hốt 02 phần hội này thì vợ chồng anh A, chị N đã châu lại được bao nhiêu lần hội chết, còn chưa châu bao nhiêu lần. Hiện nay dây hội này đã mãn.

Ngày 02-7-2015 âm lịch (nhằm ngày 15-8-2015 dương lịch), chị C mở dây hội 2.000.000 đồng gồm có 11 hội viên tham gia 14 phần, trong đó vợ chồng anh A, chị N tham gia 01 phần (chân). Dây hội này 01 tháng mở một lần và vợ chồng anh A, chị N đã hốt hội ngay lần mở đầu tiên số tiền là 21.190.000 đồng. Chị C không nhớ sau khi hốt chân hội này thì vợ chồng anh A, chị N đã châu lại được bao nhiêu lần hội chết, còn chưa châu bao nhiêu lần. Hiện nay dây hội này đã mãn.

Ngoài ra vợ chồng anh A, chị N còn vay của chị C số tiền 25.000.000 đồng với lãi suất lãi 10%/tháng (1.000.000 đồng tiền vay đóng lãi 01 tháng là 100.000 đồng). Tiền này chị C hỏi vay lại của người khác để cho anh A, chị N vay. Anh A, chị N hứa hốt hội sẽ trả lại cho chị C, nhưng vợ chồng anh A, chị N không trả tiền gốc và cũng không trả lãi, nên chị C phải tự xuất tiền của mình ra trả lãi cho người ta.

Đến ngày 05-3-2016, vợ chồng anh A, chị N có đến đem hết các giấy hội gập chị C để chốt nợ và tự tay anh A viết biên nhận còn nợ chị C số tiền tổng cộng là 91.940.000 đồng (trong đó có cả tiền nợ hội và tiền nợ vay như đã trình bày ở trên) và vợ chồng anh A, chị N có ký tên vào biên nhận. Vợ chồng anh A, chị N có hứa là mỗi ngày sẽ trả góp cho chị C 300.000 đồng, góp trong vòng 10 tháng kể từ ngày 05-3-2016 âm lịch (nhằm ngày 11-4-2016 dương lịch) để trả được cho chị C 90.000.000 đồng, còn lại 1.940.000 đồng sẽ tính thời gian khác trả tiếp, và sau đó vợ chồng anh A, chị N có góp được cho chị C số tiền tổng cộng là 10.000.000 đồng (không nhớ thời gian, vì góp không đúng như thỏa thuận).

Khi khởi kiện chị C yêu cầu vợ chồng anh Lê Hồng A (Lê Hoàng N), chị Nguyễn Thị Tuyết N liên đới có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội và nợ vay gốc là 91.940.000 đồng, lãi là 15.514.875 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 107.454.875 đồng (tính lãi suất 1,125%/tháng của 15 tháng lãi từ tháng 3-2016 âm lịch đến tháng 6-2017 âm lịch), và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án. Nhưng nay chị C chỉ yêu cầu vợ chồng anh A, chị N liên đới có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay và tiền nợ hội tổng cộng là 81.940.000 đồng (vì đã có nhận trả góp được 10.000.000 đồng), lãi là 13.827.375 đồng (tính lãi suất 1,125%/tháng của 15 tháng lãi tạm tính từ ngày 05-3-2016 âm lịch (nhằm ngày 11-4-2016 dương lịch) đến ngày 05-6-2017 âm lịch (nhằm ngày 08-7-2016 dương lịch), tổng cộng gốc và lãi là 95.767.375 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời trình bày của bị đơn Lê Hồng A và Nguyễn Thị Tuyết N trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa: Thừa nhận có tham gia chơi hội do chị C

làm chủ, có vay tiền của chị C như chị C trình bày và đồng ý có ký biên nhận tổng số nợ số tiền 91.940.000 đồng (gồm tiền hụi và tiền vay – đều là tiền gốc), sau đó anh A, chị N có thực hiện việc trả góp cho chị C như thỏa thuận, và đã trả cho chị C được tổng cộng 80 mấy triệu (không nhớ rõ), việc trả nợ anh A, chị N cho rằng có ghi vào sổ của mình để theo dõi, nên anh A, chị N không đồng ý với yêu cầu của chị C.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng nhận thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận một phần đối với số tiền nợ hụi và nợ vay còn thiếu tổng cộng là 81.940.000 đồng. Tuy nhiên, đối với lãi suất vay cần điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật về khoản nợ hụi và nợ vay cho phù hợp.

Do vậy, với các lẽ của chị N và là người đại diện theo ủy quyền của anh A đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên căn cứ vào Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo đúng quy định.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Vào ngày 04 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn chị Lê Thị Kim C, sinh năm: 1977, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn anh Lê Hồng A (tên gọi khác Lê Hoàng N), sinh năm: 1977 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1979, cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy: Nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của nguyên đơn là những tranh chấp về “Hụi và Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 17-7-2017 là đúng quy định tại các điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và các giao dịch dân sự này đã được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực

(ngày 01-01-2017), nhưng nay có tranh chấp, nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng mặc dù chị C không nhớ mỗi dây hụi anh A, chị N còn nợ hụi mà chị C đã châu thay (hụi chết) là bao nhiêu, nhưng giữa anh A, chị N với chị C đã thống nhất cộng sổ chót nợ vào ngày 05-3-2016 âm lịch (nhằm ngày 11-4-2016 dương lịch và *lấy ngày dương lịch để tính*) với tổng số tiền là: 91.940.000 đồng (Trong đó có nợ vay là: 25.000.000 đồng), được thể hiện tại giấy nhận nợ (Bút lục 14 trong hồ sơ vụ án) mà anh A (N), chị N thừa nhận và đã có ký tên. Nay chị C yêu cầu anh A, chị N liên đới trả 81.940.000 đồng (do đã nhận của anh A, chị N trả góp được tổng cộng 10.000.000 đồng) và tiền lãi là 13.827.375 đồng (tính lãi suất 1,125%/tháng của 15 tháng lãi tạm tính từ ngày 11-4-2016 đến ngày 08-7-2016, tổng cộng gốc và lãi là 95.767.375 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp đến khi giải quyết xong vụ án; Anh A, chị N không đồng ý với yêu cầu của chị C, vì cho rằng sau khi chót nợ có thỏa thuận trả góp mỗi ngày 300.000 đồng (kể từ ngày làm giấy chót nợ ngày 11-4-2016 và anh A, chị N đã thực hiện trả góp được 80 mấy triệu cho chị C xong. Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh A (N), chị N có cung cấp sổ do chính anh A, chị N tự ghi theo dõi việc trả nợ góp cho chị C, không có chị C ký xác nhận (Bút lục từ 24 đến 46 trong hồ sơ vụ án), qua xem xét, đối chiếu thì chị C không thừa nhận sổ do anh A, chị N tự ghi, mà chỉ thừa nhận có nhận việc trả góp của anh A, chị N là 10.000.000 đồng (*10.000.000 đồng này anh A, chị N và chị C không giải thích được là trả cho khoản nợ nào, mà đều thống nhất là trả chung cho hai khoản nợ*), từ đó thấy rằng sổ do anh A, chị N tự ghi theo dõi việc trả nợ mà anh A, chị N cung cấp là không đủ căn cứ để chấp nhận; ngoài sổ nêu trên thì anh A, chị N không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc trả nợ của mình, cũng như đã trả được số tiền cụ thể là bao nhiêu. Do đó xét thấy nghĩ cần chấp nhận sự tự nguyện của chị C là có nhận trả góp từ chỗ anh A, chị N được 10.000.000 đồng (chung cả hai khoản nợ), nên nay yêu cầu của chị C đòi anh A, chị N trả 81.940.000.000 đồng (chung của hai khoản nợ) còn lại là có cơ sở chấp nhận. Đối với việc chị C đã tính lãi và yêu cầu tính lãi tiếp với mức 1,125%/tháng từ ngày chót nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án là chưa phù hợp, nên cần xác định điều chỉnh lại như sau: Khi làm giấy chót nợ các đương sự thống nhất là ngày 11-4-2016 và có thỏa thuận trả góp mỗi ngày 300.000 đồng trong thời hạn 10 tháng, có nghĩa là đến ngày 11-02-2017 hết hạn (lấy tròn 01 tháng là 30 ngày) thời gian này là không tính lãi, và theo chị C thừa nhận chỉ có nhận trả góp được 10.000.000 đồng, như vậy đã trả được lấy tròn 34 ngày, tức đến ngày 14-5-2016, thì anh A, chị N không thực hiện trả góp nữa, vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó số nợ còn lại 81.940.000 đồng là sẽ được tính lãi chậm trả từ ngày 15-5-2016 đến ngày 11-02-2017 là 08 tháng 26 ngày với lãi suất bằng 0,75%/tháng, và từ ngày 12-02-2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-9-2017) là 07 tháng 09 ngày, đây là khoảng thời gian quá hạn trả nợ, nên phải chịu lãi suất 1,125%/tháng mới phù hợp. Vậy các phần lãi phải chịu qua các khoảng thời gian nêu trên như sau:

$$+ 81.940.000 \text{ đồng (gốc)} \times 0,75\% \times 08 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 5.449.010 \text{ đồng.}$$

+ 81.940.000 đồng (gốc) x 1,125% x 07 tháng 09 ngày = 6.729.322 đồng (lấy tròn 6.729.000 đồng).

Cộng hai khoản tiền lãi trên với tiền gốc mà anh A, chị N phải trả cho chị C trong vụ án là 94.118.332 đồng (lấy tròn 94.118.000 đồng).

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Thì anh A, chị N phải chịu 5% tiền án phí trên tổng số nợ phải trả cho chị C là: 94.118.000 đồng x 5% = 4.705.900 đồng (lấy tròn 4.706.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 70, 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 305, 471, 474, 476, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim C, về việc đòi nợ hui và nợ vay đối với anh Lê Hồng A (Lê Hoàng N) và chị Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Buộc anh Lê Hồng A (Lê Hoàng N), chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim C tổng số tiền nợ hui và nợ vay là: 94.118.000 đồng (trong đó tiền gốc là 81.940.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 21-9-2017 là 12.178.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Hồng A (Lê Hoàng N), chị Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ liên đới nộp 4.706.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Kim C số tiền 2.686.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu số BN/2013 03412 ngày 17-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21-9-2017).

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách